

Đề xuất bộ chỉ số đánh giá hiệu quả môi trường của việc sử dụng đất ven biển theo hướng PTBV

Trịnh Thị Hải Yến*, Tạ Đức Bình

Viện Chiến lược Chính sách Tài nguyên và Môi trường

Ngày nhận bài 8/2/2021; ngày chuyển phản biện 18/2/2021; ngày nhận phản biện 25/3/2021; ngày chấp nhận đăng 31/3/2021

Tóm tắt:

Việc quản lý quỹ đất ven biển ở Việt Nam trong thời gian qua còn nhiều bất cập, hạn chế, chẳng hạn như công tác quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch chưa đáp ứng nhu cầu phát triển thực tế; thiếu không gian công cộng dành cho cộng đồng (do tập trung quá nhiều dự án ven biển); tình trạng ô nhiễm môi trường đất ngày càng trầm trọng... Hiện nay, Việt Nam đang áp dụng nhiều bộ chỉ tiêu liên quan tới đánh giá hiệu quả môi trường ở cấp quốc gia và cấp ngành, trong đó có một số chỉ tiêu liên quan tới đánh giá hiệu quả môi trường đất. Tuy nhiên, vẫn chưa có một bộ chỉ tiêu cụ thể nào về đánh giá hiệu quả môi trường của việc sử dụng đất ven biển. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả sử dụng đất ven biển, thực hiện tốt các mục tiêu về môi trường, cần xây dựng bộ chỉ tiêu về đánh giá hiệu quả môi trường của việc sử dụng đất ven biển theo hướng phát triển bền vững (PTBV).

Từ khóa: đất ven biển, hiệu quả môi trường, PTBV.

Chỉ số phân loại: 5.7

Mở đầu

Trên thế giới, PTBV đã trở thành mục tiêu chung trong chính sách phát triển của các quốc gia. Tuy nhiên, để đánh giá tính bền vững trong sự phát triển của một đất nước thì có nhiều tiêu chí hoặc cách tiếp cận khác nhau, song về cơ bản thì đều cần phải xem xét và đánh giá được hiệu quả bền vững môi trường trong các chính sách phát triển. Một số phương pháp xây dựng hệ thống chỉ thị, hay chỉ số tổng hợp tiêu biểu đã được nghiên cứu từ lâu trên thế giới nhằm phục vụ công tác đánh giá bền vững môi trường cần phải kể tới là: đánh giá hoạt động môi trường theo phương pháp PSR (Áp lực - Hiện trạng - Ứng phó), sau đó được phát triển bổ sung thành DPSIR (Động lực - Áp lực - Hiện trạng - Tác động - Ứng phó); chỉ số bền vững môi trường - ESI; và chỉ số đánh giá hoạt động môi trường - EPI.

Việt Nam sau nhiều năm tiến hành đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, cùng với những tác động bởi biến đổi khí hậu toàn cầu, nước ta cũng đang phải đối mặt với vấn đề về ô nhiễm, suy thoái môi trường do quá trình phát triển gây nên. Đối với quỹ đất ven biển, trong thời gian qua việc quản lý còn nhiều bất cập, hạn chế, chẳng hạn như công tác quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch chưa đáp ứng nhu cầu phát triển thực tế; thiếu không gian công cộng dành cho cộng đồng do tập trung quá nhiều dự án ven biển; tình trạng ô nhiễm môi trường đất ngày càng trầm trọng do thiếu cơ chế sử dụng và bảo tồn môi trường đất hiệu quả. Do đó, cần thiết phải xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu quả môi trường của việc sử dụng đất ven biển

theo hướng PTBV, là cơ sở để đánh giá và nâng cao hiệu quả sử dụng đất ven biển, đồng thời thực hiện được các mục tiêu về môi trường.

Khái quát các bộ chỉ số đánh giá về môi trường và PTBV trên thế giới và tại Việt Nam

Bộ chỉ số của Ủy ban PTBV Liên hợp quốc (CSD)

CSD hiện bao gồm 58 chỉ tiêu [1] (lúc đầu là 134). Bộ chỉ số này bao quát đầy đủ các khía cạnh xã hội, môi trường, kinh tế và thể chế của PTBV và đo đố được nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam lựa chọn để xây dựng bộ tiêu chí đánh giá PTBV cho mình.

Bộ chỉ số của Nhóm tư vấn về chỉ tiêu PTBV (CGSDI)

CGSDI là nhóm tư vấn quốc tế bao gồm 12 chuyên gia được thành lập từ năm 1996. Nhóm đã biên soạn ra một bộ chỉ số gồm 46 chỉ tiêu về môi trường, kinh tế, xã hội và thể chế cho hơn 100 quốc gia [2]. Đồng thời, CGSDI cũng đã xây dựng phần mềm của bộ chỉ số, cho phép người sử dụng lựa chọn các phương pháp khác nhau để tính toán các điểm tổng thể từ các chỉ tiêu riêng biệt.

Bộ chỉ số thịnh vượng của Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN)

IUCN đã tài trợ cho việc nghiên cứu đánh giá sự thịnh vượng. Kết quả nghiên cứu đã được xuất bản trong cuốn Sự thịnh vượng của các dân tộc: Bộ chỉ số về chất lượng cuộc sống và môi trường của từng quốc gia [3]. Chỉ số thịnh vượng

*Tác giả liên hệ: Email: tringhyen_hn@yahoo.com

Proposing a set of indicators to evaluate the environmental efficiency of coastal land use towards sustainable development

Thi Hai Yen Trinh*, Duc Binh Ta

Institute of Strategy and Policy on Natural Resources and Environment

Received 8 February 2021; accepted 31 March 2021

Abstract:

The management of coastal land in Vietnam in recent years still has many shortcomings and limitations, such as the planning and management of construction investment according to planning has not meet development needs; there is a lack of public space for the community due to overwhelming approved coastal projects; soil environmental pollution is increasingly serious due to the lack of an effective mechanism for using and conserving the soil environment. Currently, Vietnam is applying many sets of indicators related to environmental performance assessment at national and sector levels, including several indicators related to soil environmental assessment. However, there is still no specific set of indicators on environmental performance assessment from sustainable coastal land use. Therefore, to improve the efficiency of coastal land use and well implement environmental objectives, it is necessary to develop a set of indicators on environmental efficiency assessment of coastal land use in the direction of sustainable development.

Keywords: coastal land, environmental efficiency, sustainable development.

Classification: 5.7

là một tập hợp gồm 88 chỉ tiêu, được chia thành 2 nhóm đánh giá là nhân văn (như sức khỏe, sự giàu có, kiến thức...) và phúc lợi sinh thái (đất đai, nguồn nước, không khí, đa dạng sinh học...) và đã được dùng để đánh giá về thịnh vượng cho 180 quốc gia.

Bộ chỉ số hiệu quả môi trường (EPI)

Năm 2006, nhóm nghiên cứu của Đại học Yale và Đại học Columbia (Hoa Kỳ) đã nghiên cứu về EPI [4]. EPI theo dõi hiệu quả môi trường thông qua việc phân tích dữ liệu từ các chủ đề được lựa chọn, qua đó đưa ra một bảng xếp hạng các quốc gia dựa trên hiệu quả bảo vệ môi trường. Bộ chỉ số này gồm 16 chỉ số tổng hợp với các trọng số khác nhau. Các chỉ số được xác định theo khung cấu trúc: Động lực - Áp lực - Thực

trạng - Tác động - Ứng phó (DPSIR) dựa trên các đánh giá khoa học cũng như ý kiến tư vấn của các chuyên gia, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và ngành tại Việt Nam

Hiện nay có nhiều bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả môi trường và PTBV đang được áp dụng trong nhiều lĩnh vực. Trong đó, về hệ thống chỉ tiêu quốc gia theo Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ gồm 20 nhóm chỉ tiêu, trong mỗi nhóm chỉ tiêu thống kê lại gồm một số chỉ tiêu cụ thể khác. Nội dung mỗi chỉ tiêu thống kê gồm: khái niệm, phương pháp tính; phân tổ chủ yếu; kỳ công bố; nguồn số liệu; cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp.

Hệ thống chỉ tiêu theo ngành có: Thông tư số 73/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 về Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường; Thông tư số 40/2016/TT-BCT về hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công thương; Quyết định số 3201/QĐ-BNN-KH ngày 26/11/2010 về hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thông tư số 05/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 về hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành xây dựng; Thông tư 41/2014/TT-BGTVT ngày 15/9/2014 về hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giao thông vận tải...

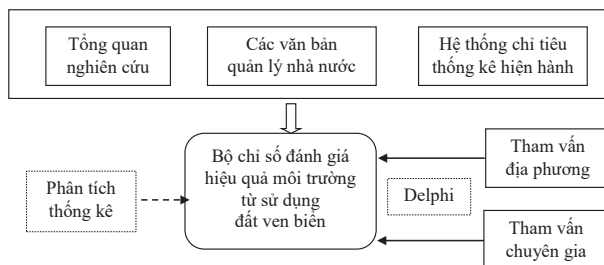
Nhìn chung, đã có khá nhiều các chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả môi trường theo các lĩnh vực. Tuy nhiên, hiện chưa có một bộ chỉ tiêu chính thức nào về đánh giá hiệu quả môi trường của việc sử dụng đất ven biển, mà mới chỉ có các chỉ tiêu hoặc hướng dẫn về đánh giá môi trường từ sử dụng đất nói chung như đã trình bày ở trên.

Các công trình nghiên cứu về đánh giá hiệu quả môi trường trong sử dụng đất thường sử dụng một số tiêu chí khác nhau, phần lớn liên quan tới tỷ lệ sử dụng thuộc trừ sâu và thuốc bảo vệ thực vật, tỷ lệ tồn dư hóa chất trong đất, suy giảm đa dạng sinh học, suy thoái đất [5-7]. Các nghiên cứu này bên cạnh việc không thống nhất về các tiêu chí đánh giá thì các tiêu chí đưa ra cũng khá ít ỏi, và hướng theo phạm vi khu vực nghiên cứu cụ thể. Bởi vậy, cần phải có một bộ chỉ tiêu toàn diện và có tính bao quát hơn trong việc đánh giá hiệu quả môi trường từ sử dụng đất ven biển theo hướng PTBV.

Đề xuất bộ chỉ số đánh giá hiệu quả môi trường sử dụng đất ven biển theo hướng PTBV

Quy trình xây dựng bộ chỉ số

Như trình bày ở trên, sau khi tham khảo, phân tích về các bộ chỉ số liên quan hiện có, cùng việc đối chiếu với các đặc thù sử dụng đất ven biển, các nguyên tắc sử dụng đất ven biển theo hướng PTBV, đồng thời tham vấn các nhà quản lý tại địa phương cũng như các nhà khoa học tại các viện nghiên cứu, trường đại học, nhóm tác giả đã xây dựng quy trình xác định các chỉ số cụ thể trong bộ chỉ số đánh giá hiệu quả môi trường của việc sử dụng đất ven biển theo hướng PTBV (hình 1).



Hình 1. Sơ đồ quy trình xây dựng bộ chỉ số.

Theo đó, quy trình gồm 4 bước sau:

Bước 1: Dựa trên cơ sở khoa học, kinh nghiệm quốc tế, cơ sở pháp lý các nội dung quản lý nhà nước về sử dụng đất ven biển và hệ thống chỉ tiêu thống kê hiện hành, từ đó đưa ra danh sách chỉ tiêu mang tính phù hợp nhất đối với các địa phương ven biển.

Bước 2: Tham vấn địa phương về nội dung chỉ tiêu. Đối tượng tham vấn là cán bộ cơ quan quản lý nhà nước tại các địa phương. Đơn vị tham gia tham vấn gồm: các cơ quan quản lý nhà nước (sở, ban, ngành liên quan). Sau khi tham vấn địa phương, kết quả đạt được là bộ chỉ số được rút gọn cho cấp địa phương, có đánh giá sơ bộ về tính khả thi.

Bước 3: Tham vấn chuyên gia về nội dung các chỉ số được xác định. Đối tượng tham vấn là các chuyên gia có kinh nghiệm trong xây dựng chỉ số. Kết quả đạt được là danh sách chỉ số, có đánh giá tính phù hợp và khả thi về dữ liệu.

Bước 4: Nghiên cứu tổng hợp, đánh giá dựa trên kết quả tham vấn, trên cơ sở đó đưa ra bộ chỉ số phù hợp nhất.

Các chỉ số cụ thể

Các chỉ số để đánh giá hiệu quả môi trường của việc sử dụng đất ven biển theo hướng bền vững gồm:

Chỉ số 1 - Diện tích đất bị thoái hóa (ĐTH):

Chỉ số này thể hiện phần diện tích đất bị thoái hóa, tức là đất bị thay đổi những đặc tính và tính chất vốn có ban đầu theo chiều hướng xấu do tác động của điều kiện tự nhiên và con người, qua đó thể hiện tính bền vững trong sử dụng đất. Thoái hóa đất có khả năng xảy ra trên tất cả các loại đất với nhiều loại hình khác nhau: đất bị khô hạn, hoang mạc hóa; đất hoang hóa; sạt lở đất; kết von, đá ong hóa... Việc điều tra, đánh giá, tổng hợp phân hạng mức độ thoái hóa đất được thực hiện theo hướng dẫn về điều tra thoái hóa đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Công thức tính chỉ số ĐTH:

$$\text{ĐTH} = \text{ĐKH} + \text{ĐHM} + \text{ĐSL} + \text{ĐKV} + \dots$$

Trong đó: ĐTH: tổng diện tích đất bị thoái hóa; ĐKH: tổng diện tích đất bị khô hạn; ĐHM: tổng diện tích đất bị hoang mạc hóa; ĐSL: tổng diện tích đất bị sạt lở; ĐKV: tổng diện tích đất bị kết von, đá ong hóa.

Chỉ số 2 - Diện tích đất bị ô nhiễm (ĐÔN):

Chỉ số này cho biết diện tích ĐÔN, tức sự gia tăng hàm

lượng của một số chất, hợp chất so với tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam cho phép, làm nhiễm bẩn đất, qua đó thể hiện tính bền vững trong sử dụng đất. Nội dung, phương pháp điều tra ô nhiễm đất thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai.

Chỉ số 3 - Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý (XLĐÔN):

Theo quy định tại Thông tư 30/2016/TT-BTNMT, khu vực ĐÔN tồn lưu là khu vực được phát hiện có một hoặc nhiều chất gây ô nhiễm tồn lưu vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường, ảnh hưởng xấu đến con người, môi trường và hệ sinh thái. Do đó, chỉ số này cho biết hiệu quả của việc khắc phục ô nhiễm tồn lưu trong đất, thể hiện kết quả về tỷ lệ số khu vực được xử lý, cải tạo. Công thức tính XLĐÔN:

$$\text{XLĐÔN} = \frac{\text{SD\%NXL}}{\text{SD\%N}} \times 100$$

Trong đó: XLĐÔN: tỷ lệ số điểm ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo (%); SD\%NXL: tổng số điểm ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo; SD\%N: tổng số điểm ô nhiễm tồn lưu được phát hiện.

Chỉ số 4 - Hàm lượng các chất trong trầm tích đáy tại khu vực cửa sông và ven biển:

Theo quy định tại Thông tư 73/2017/TT-BTNMT, môi trường trầm tích là nơi được sử dụng chủ yếu cho hoạt động nuôi trồng thủy sản và cũng là nơi tồn tại của hệ sinh thái san hô, cỏ biển và rừng ngập mặn. Chỉ số này thể hiện liệu các chất đặc trưng trong trầm tích tại một số cửa sông và ven biển có vượt quá ngưỡng cho phép sẽ gây ô nhiễm trầm tích, tác động xấu tới các loài sinh vật và hệ sinh thái trong môi trường trầm tích hay không. Phương pháp lấy mẫu được áp dụng theo hướng dẫn của các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, còn phương pháp phân tích xác định các thông số chất lượng thực hiện theo hướng dẫn của các tiêu chuẩn quốc gia hoặc phương pháp phân tích tương ứng của các tổ chức quốc tế.

Chỉ số 5 - Hàm lượng các chất trong môi trường nước biển tại khu vực cửa sông, ven biển và biển xa bờ:

Chỉ số này thể hiện chất lượng môi trường nước biển, phản ánh sự tác động của việc sử dụng đất ven biển. Theo quy định hiện hành, hàm lượng các chất trong nước biển nếu vượt quá ngưỡng QCVN 10-MT:2015/BTNMT thì có khả năng gây ô nhiễm môi trường nước biển, tác động xấu tới các loài sinh vật và hệ sinh thái môi trường biển. Phương pháp xác định hàm lượng một số chất trong nước biển là phương pháp lấy mẫu nước tại các vị trí quan trắc, sau đó đưa về phân tích kết quả tại phòng thí nghiệm. Phương pháp lấy mẫu quan trắc chất lượng nước biển và xác định thông số thực hiện tương tự như Chỉ số 4.

Chỉ số 6 - Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới (RTM):

Chỉ số này phản ánh mật độ diện tích RTM tập trung trên diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp, qua đó thể hiện nỗ lực bảo vệ và phát triển rừng trong quy hoạch sử dụng đất theo hướng bền vững. Theo hướng dẫn, chỉ số này được tính như sau:

$$RTM = \frac{RTMTT}{\Delta LN} \times 100$$

Trong đó: RTM: tỷ lệ diện tích rừng trồng mới (%); RTMTT: tổng diện tích rừng trồng mới tập trung (ha); ΔLN : tổng diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp (ha).

Chỉ số 7 - Diện tích đất sản xuất áp dụng mô hình canh tác nông nghiệp bền vững (ĐNNBV):

Chỉ số này phản ánh vấn đề quản lý bảo vệ môi trường trong ngành nông nghiệp, chú trọng vấn đề quản lý sử dụng hóa chất nông nghiệp dựa trên các mô hình canh tác bền vững. Chỉ số cần phản ánh các mô hình sản xuất bền vững trong canh tác, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, mô hình canh tác nông nghiệp bền vững có các tiêu chuẩn và điều kiện xác nhận như IPM, VietGAP... Công thức tính ĐNNBV như sau:

$$\Delta NNBV = \frac{\Delta CTBV}{\Delta GT} \times 100$$

Trong đó: ĐNNBV: tỷ lệ diện tích đất sản xuất được áp dụng các mô hình canh tác nông nghiệp bền vững (%); $\Delta CTBV$: tổng diện tích gieo trồng được áp dụng các mô hình canh tác bền vững (IPM, GAP...) (ha); ΔGT : tổng diện tích gieo trồng của địa phương (ha).

Chỉ số 8 - Diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN):

Nội dung chỉ tiêu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê, phản ánh diện tích đất cho mục tiêu bảo tồn. Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên được tính như sau:

$$BTTN = \frac{\Delta BTTN}{\Delta TN} \times 100$$

Trong đó: BTTN: tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên (%); $\Delta BTTN$: tổng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên được cấp có thẩm quyền công nhận (ha); ΔTN : tổng diện tích tự nhiên (ha).

Kết luận

Hiện nay, Việt Nam đang có nhiều bộ chỉ số liên quan tới

đánh giá hiệu quả môi trường, ở cấp quốc gia và cấp ngành, trong đó đã có một số chỉ tiêu liên quan tới đánh giá môi trường đất. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có một bộ chỉ số nào về đánh giá hiệu quả môi trường của việc sử dụng đất ven biển theo hướng bền vững.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, nhóm tác giả đã xác định và xây dựng bộ chỉ số về đánh giá hiệu quả môi trường của việc sử dụng đất ven biển theo hướng bền vững. Bộ chỉ số này bao gồm 8 chỉ tiêu: 1) Diện tích đất bị thoái hóa; 2) Diện tích đất bị ô nhiễm; 3) Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo; 4) Hàm lượng các chất trong trầm tích đáy tại khu vực cửa sông và ven biển; 5) Hàm lượng các chất trong môi trường nước biển tại khu vực cửa sông, ven biển và biển xa bờ; 6) Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới; 7) Diện tích đất sản xuất áp dụng mô hình canh tác nông nghiệp bền vững; 8) Diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên.

Bộ chỉ số trên đã được lựa chọn và phân tích kỹ lưỡng, được phát triển và chọn lọc từ hệ thống chỉ tiêu quốc gia, hệ thống chỉ tiêu của ngành tài nguyên và môi trường và từ các ngành liên quan, cùng với việc xem xét sự phù hợp với đặc thù sử dụng đất ven biển. Bộ chỉ số có tính bao quát cao, đơn giản, dễ sử dụng cho mọi cấp hành chính tại các địa phương ven biển. Ngoài ra, sự sẵn có và khả năng thu thập số liệu cũng là các tiêu chí được xem xét khi lựa chọn các chỉ tiêu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] UN (2007), *Indicator of sustainable development: guideline and methodologies* (Third edition).
- [2] Consultative Group on Sustainable Development Indicators (2006), *Dashboard of sustainability*.
- [3] IUCN (2001), *The wellbeing of nations: a country-by-country index of quality of life and the environment*.
- [4] Esty, C. Daniel, Marc A. Levy, Tanja Srebotnjak, Alexander de Sherbinin, Christine H. Kim and Bridget Anderson (2006), *Pilot 2006 Environmental Performance Index*, Yale Center for Environmental Law & Policy.
- [5] Đỗ Văn Nhạ, Nguyễn Thị Phong Thu (2016), “Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên”, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, **14(12)**, tr.1934-1944.
- [6] Nguyễn Văn Bình (2016), *Đánh giá thực trạng và đề xuất hướng sử dụng đất nông nghiệp bền vững tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Huế.
- [7] Hoàng Thị Thái Hòa, Lý Thị Duyên (2018), “Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp*, **2(1)**, tr.447-455.